



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai

Ngày 31/12/2024	16,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	3.1%

DT thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2024
18.0%
YoY: +/-▲ 8.6%

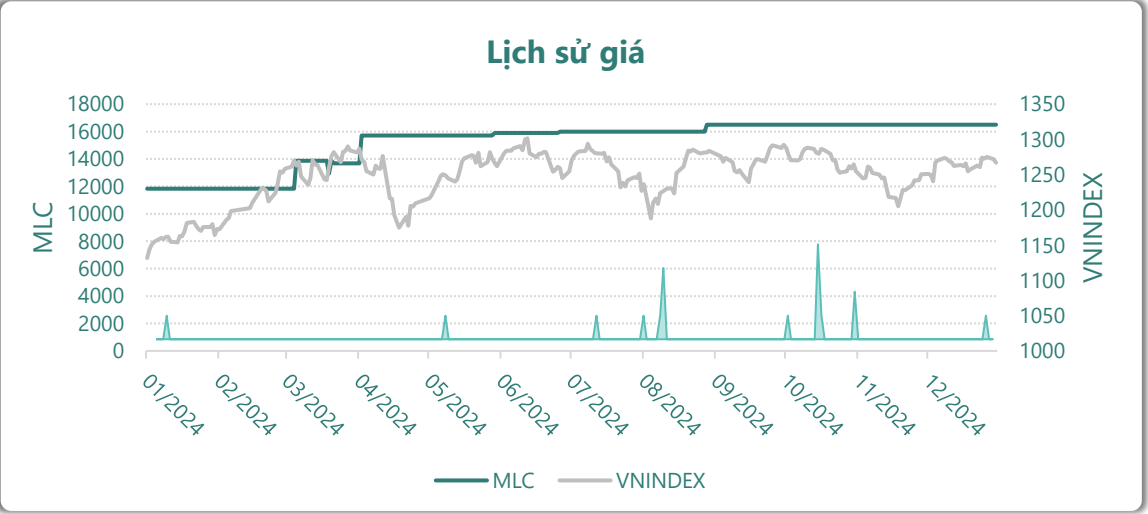
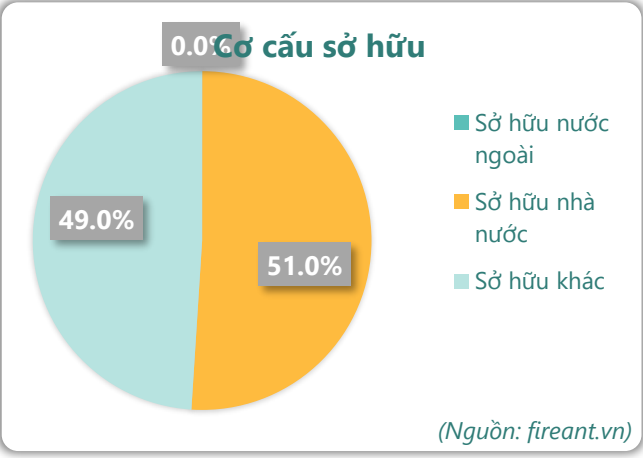
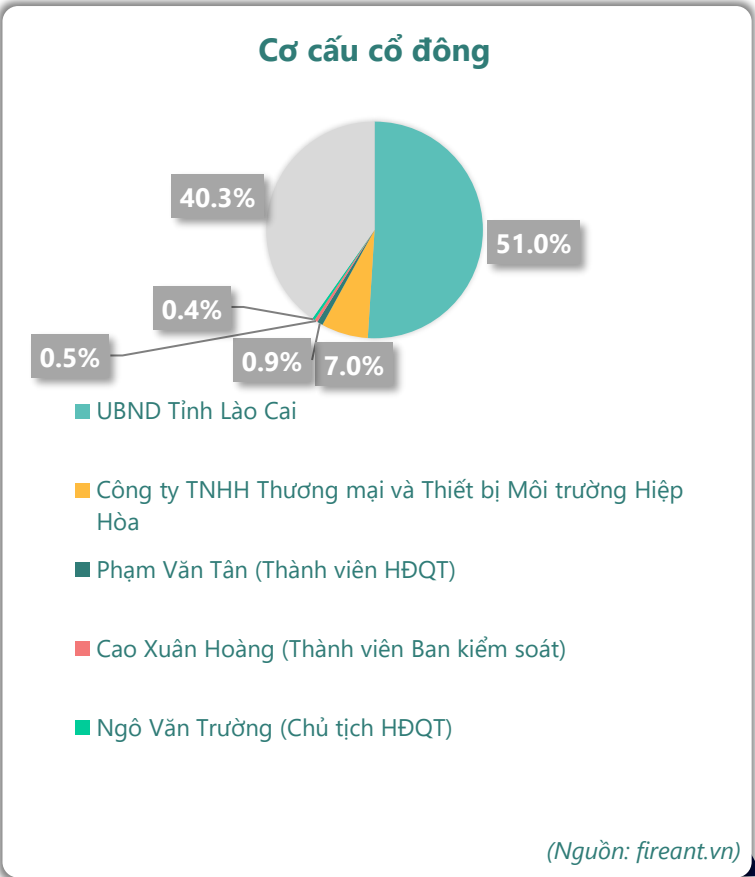
ROE 2024
42.8%
YoY: +/-▲ 21.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,833 - 16,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	69
Số lượng CPLH (CP)	4,171,175
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.02)
EPS	
P/E	

DT thuần 2024
181
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0 15.1%

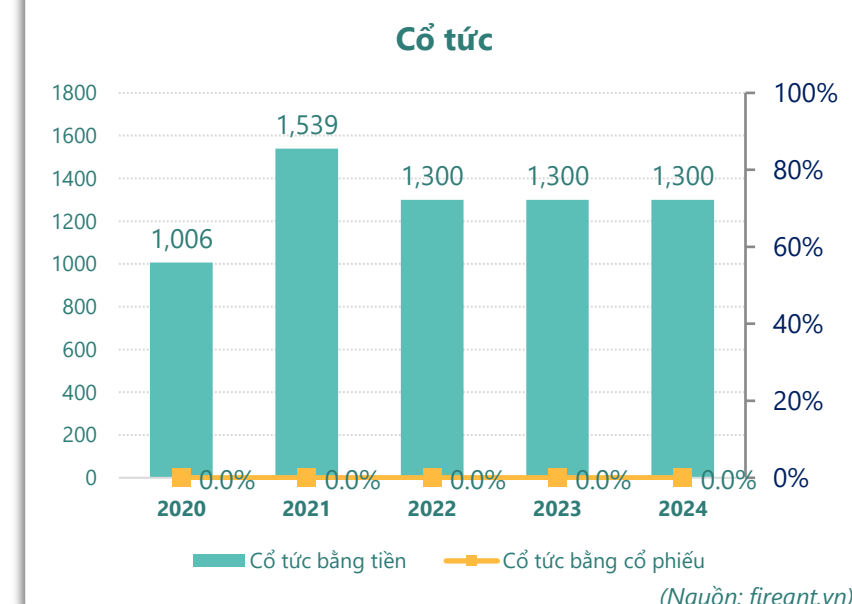
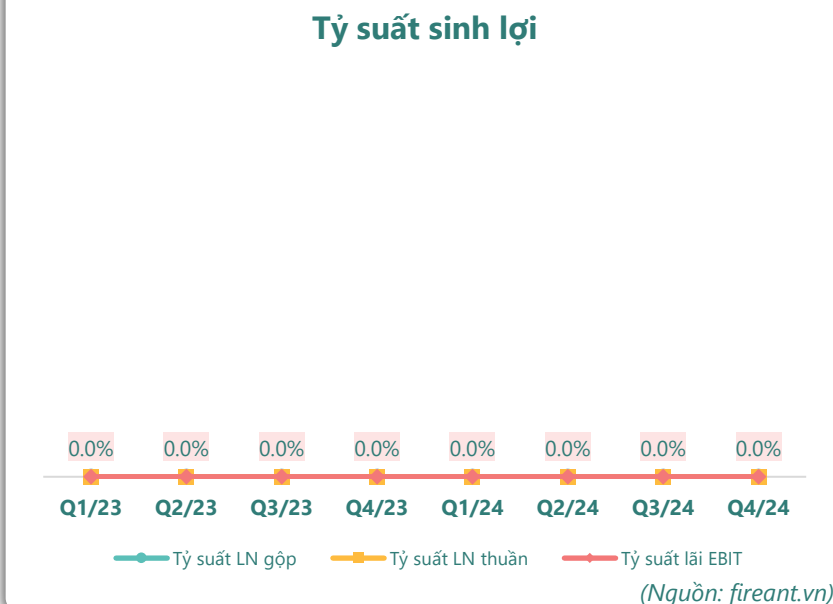
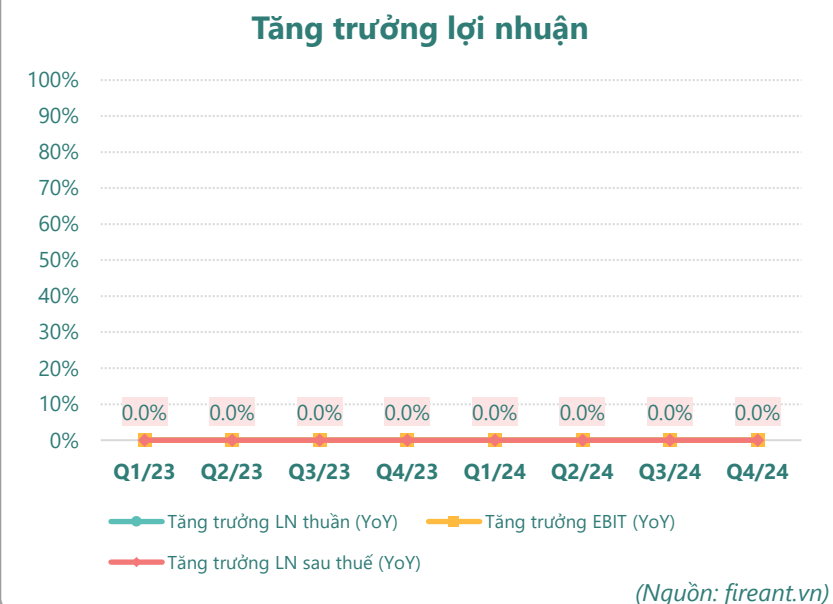
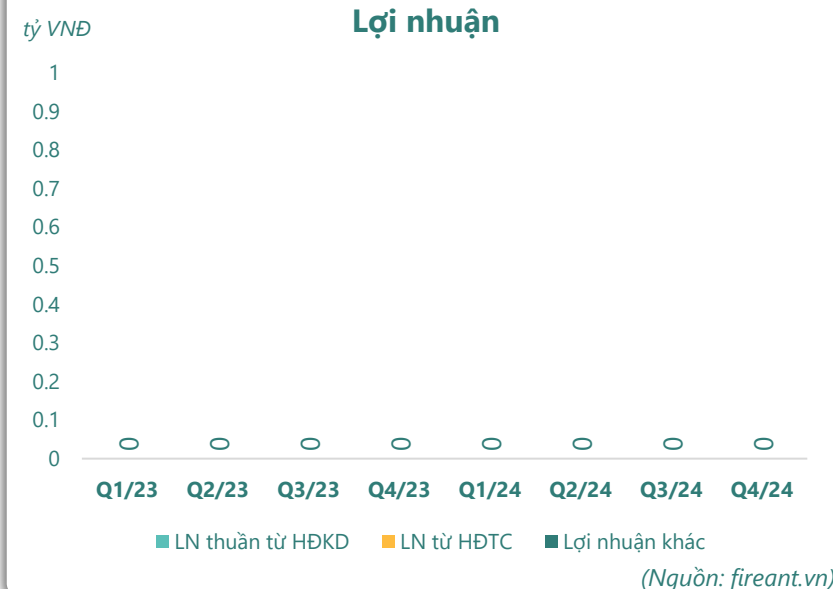
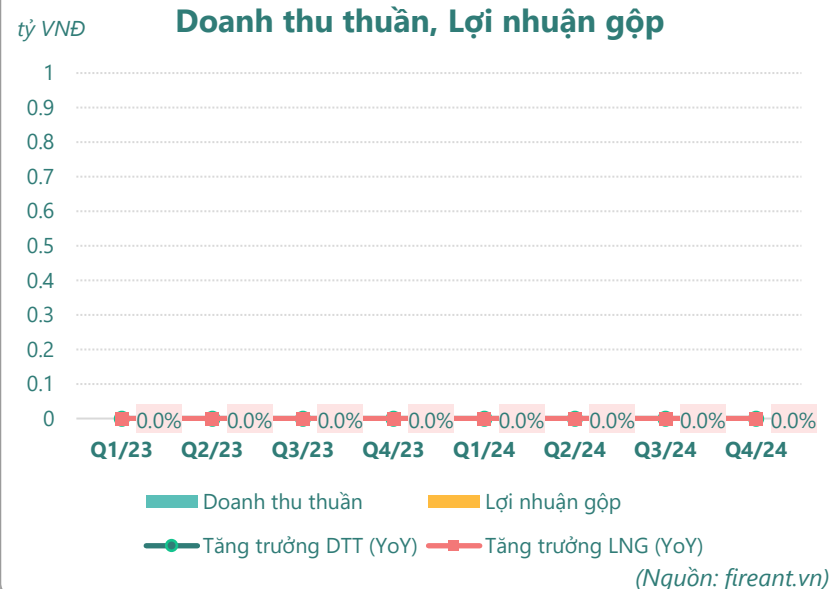
LN thuần 2024
27.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.9 87.5%

LN sau thuế 2024
28.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.1 128%





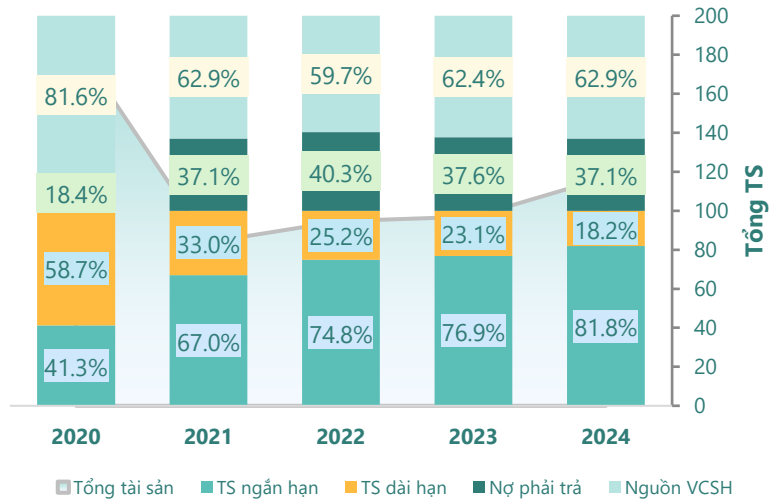
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

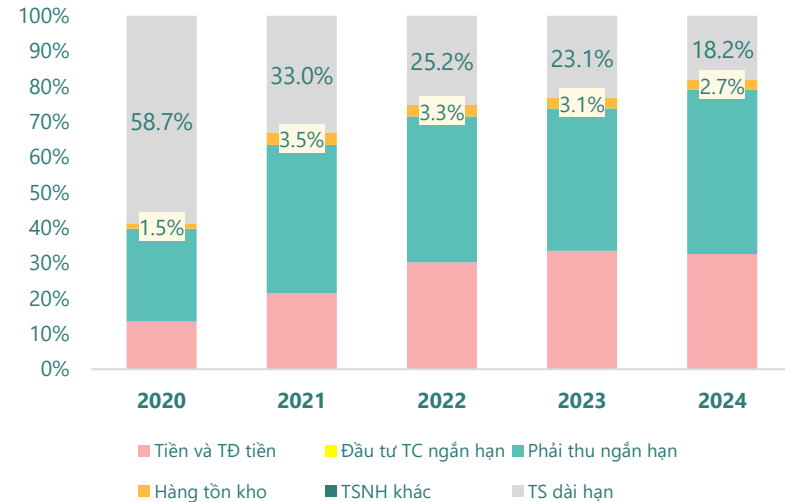
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

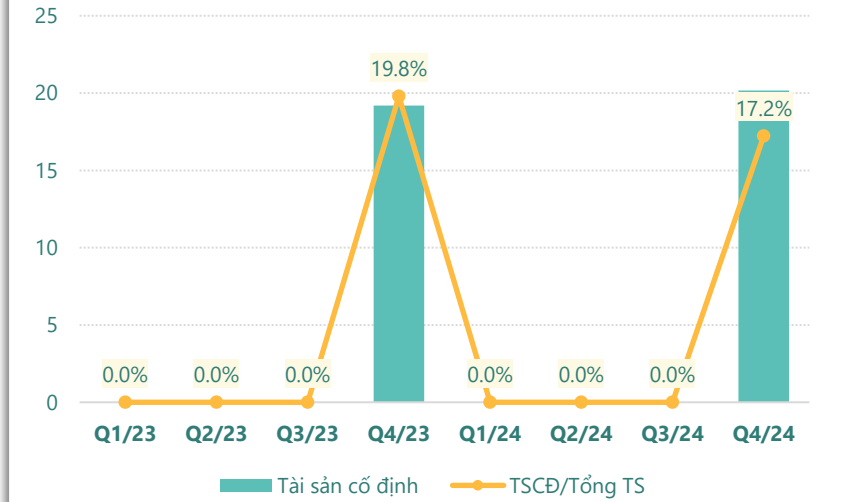
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

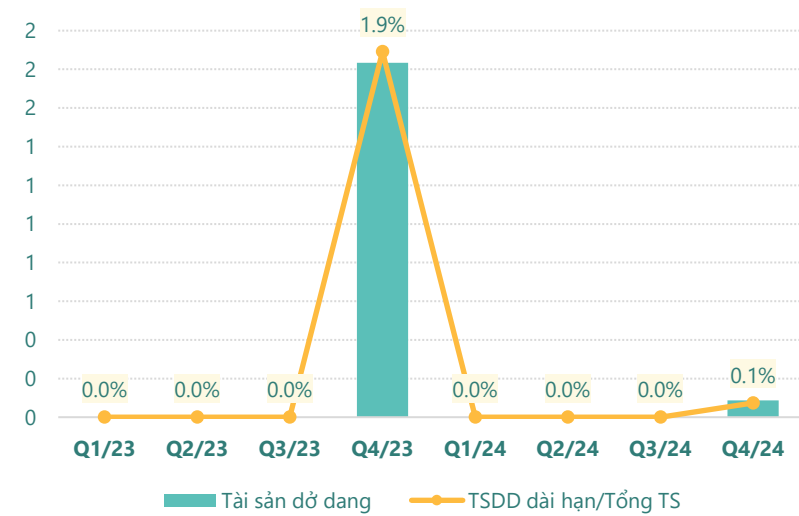
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

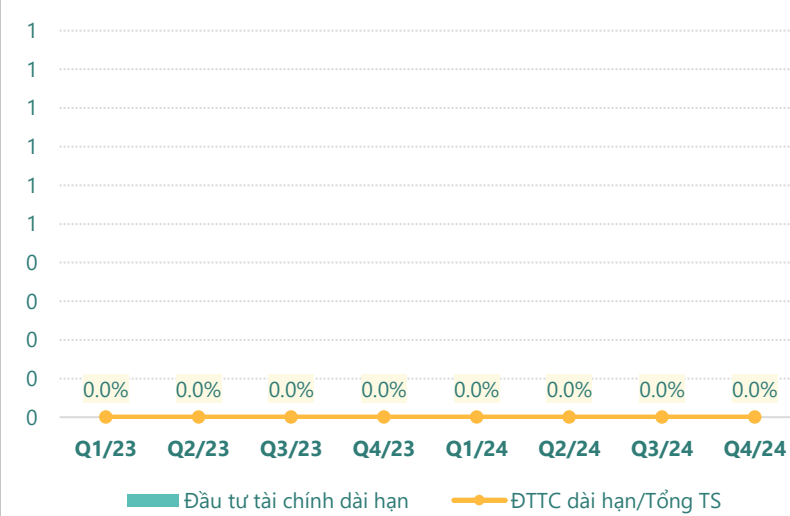
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

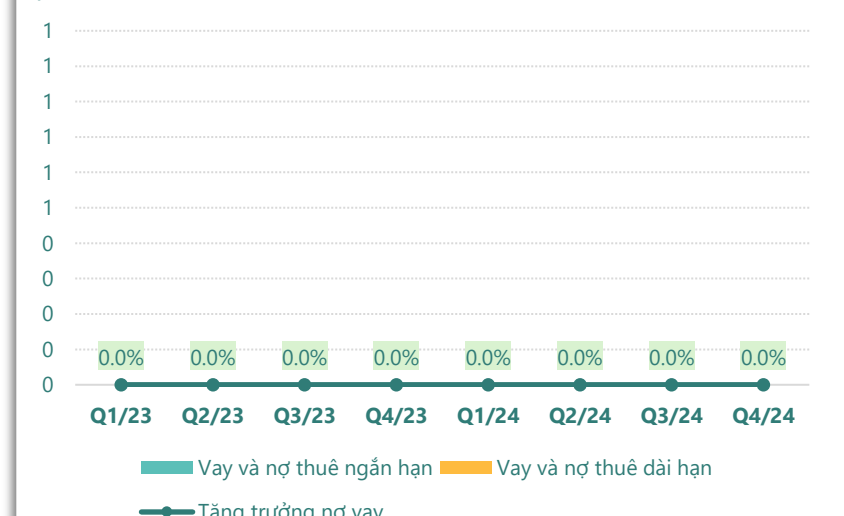
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

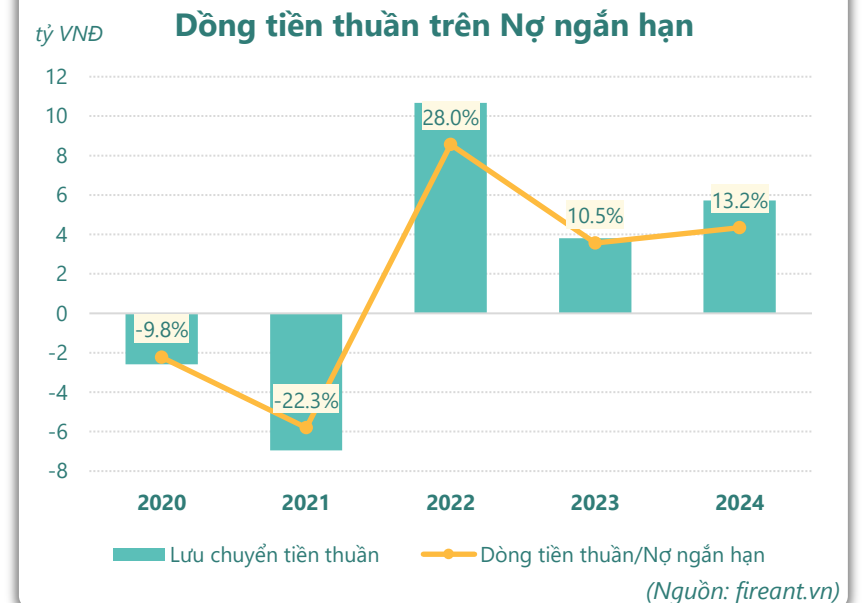
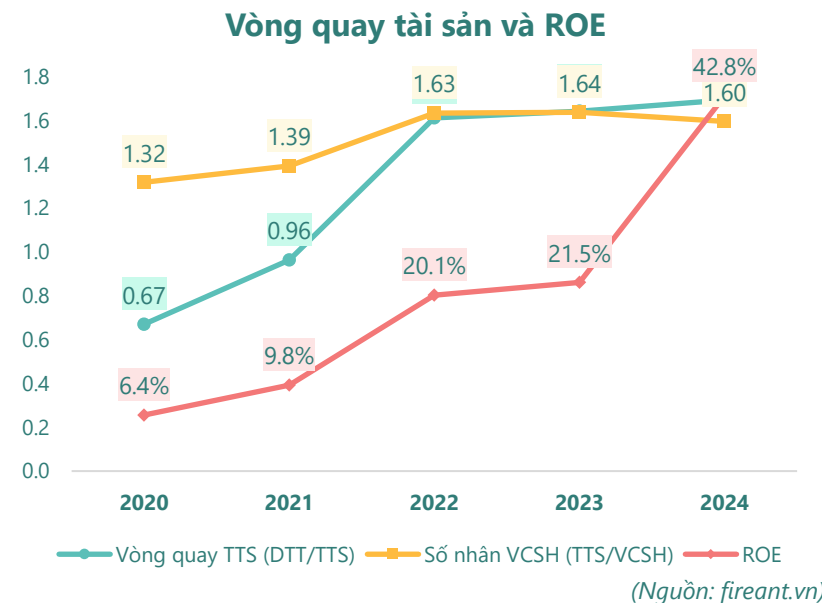
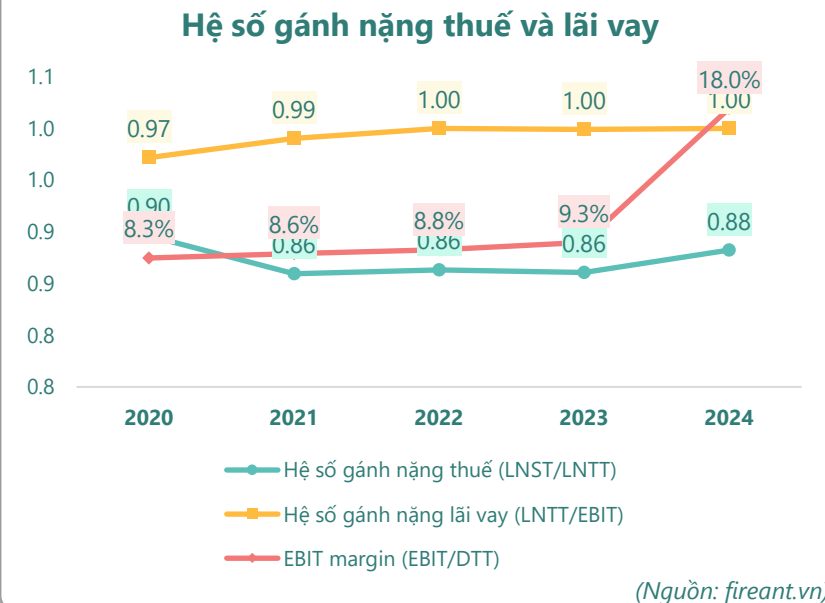
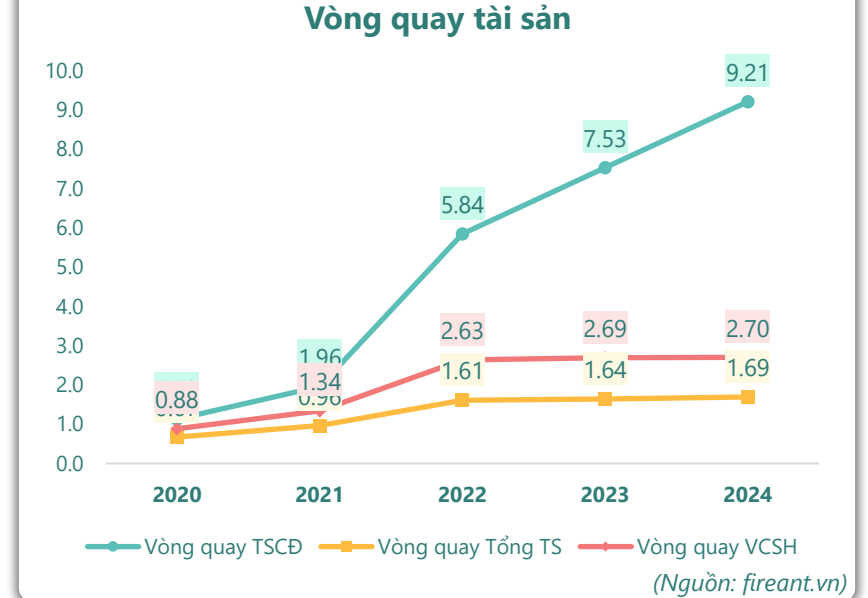
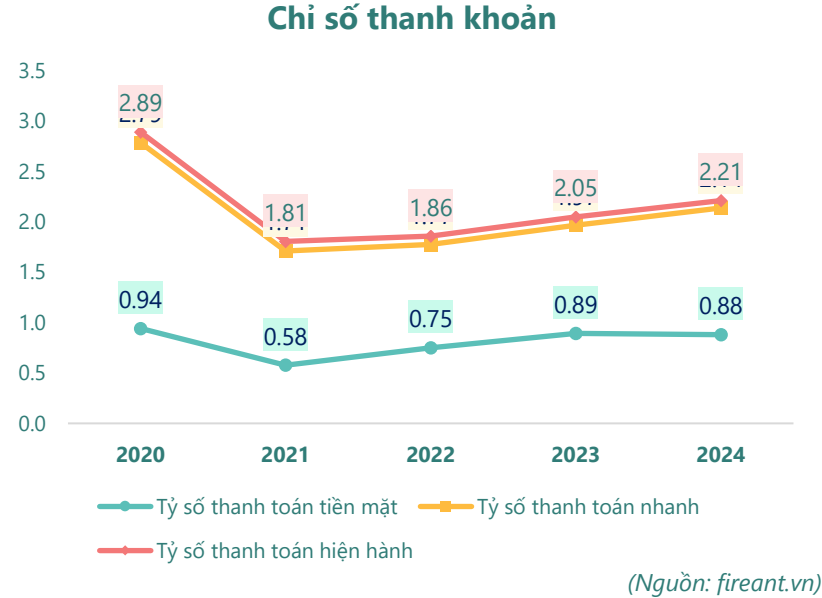
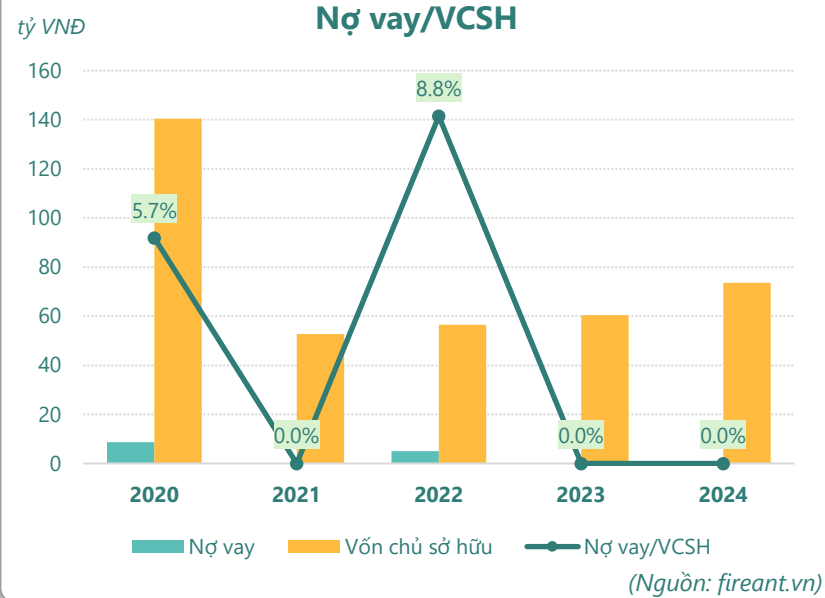
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				181	157	15.1%
Giá vốn hàng bán				149	133	11.9%
Lợi nhuận gộp				32.1	24.1	32.8%
Doanh thu HĐTC				7.31	1.72	324%
Chi phí TC				0	0.01	-100%
Chi phí lãi vay				0	0.01	-100%
LN trong công ty LKLD				0	0	
Chi phí bán hàng				0.01	0	
Chi phí QLDN				11.7	11.1	5.3%
LN thuần từ HĐKD				27.7	14.8	87.5%
Lợi nhuận khác				4.84	-0.12	4262%
LN trước thuế				32.5	14.7	122%
Lợi nhuận sau thuế				28.7	12.6	128%
LNST của CĐ cty mẹ				28.7	12.6	128%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	117	96.9	20.8%
Tài sản ngắn hạn	95.8	74.5	28.6%
Tiền và tương đương tiền	38.2	32.4	17.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	54.5	39.1	39.5%
Hàng tồn kho	3.16	3.01	4.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	21.2	22.4	-5.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	20.2	19.2	5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.09	1.83	-95.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.00	1.39	-28.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	43.4	36.5	19.0%
Nợ ngắn hạn	43.3	36.4	19.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.78	6.48	-57.0%
Nợ dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	73.6	60.5	21.8%
Vốn chủ sở hữu	73.6	60.5	21.8%
Vốn điều lệ	41.7	41.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

